

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ SICORE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ SICORE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SICORE TRADE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SICORE., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108207994

**3. Ngày thành lập:** 02/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11, ngõ 133 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984 604 086

Fax:

Email: [sicore.vn@gmail.com](mailto:sicore.vn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                    | 3312        |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                       | 3320        |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                | 4329        |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                | 4330        |
| 5.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                             | 3600        |
| 6.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                 | 3700        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                         | 4321        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                               | 4322(Chính) |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                            | 4649        |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                           | 4651        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                            | 4652        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                               | 4659        |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                              | 4932        |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                | 4933        |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                   | 5210        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                           | 5229        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                     | 5510        |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                              | 5610        |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621        |
| 20. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                | 7120        |

|     |                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                             | 7710 |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh             | 4741 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh               | 4752 |
| 24. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4761 |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                            | 4772 |
| 26. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                      | 0150 |
| 27. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                       | 9521 |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                | 7730 |
| 29. | Điều hành tua du lịch                                                                                              | 7912 |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                       | 7920 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa | 8299 |
| 32. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chỉ gồm có: Đại lý                                                                    | 4610 |
| 33. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                              | 8121 |
| 34. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                             | 8129 |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                          | 8230 |
| 36. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                            | 4663 |
| 37. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                              | 8130 |
| 38. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                         | 2512 |
| 39. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                     | 2651 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.850.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ LIỄU     | Thôn Đèo Quạt, Xã Lục Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 37.000     | 370.000.000           | 20,000    | 121893696                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 37.000     | 370.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VĂN DIỄN   | Thôn 10, Xã Tam Cường, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 111.000    | 1.110.000.000         | 60,000    | 031738117                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 111.000    | 1.110.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN KHÔI | Thôn Long, Xã Thanh Lĩnh, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 37.000     | 370.000.000           | 20,000    | 187539550                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 37.000     | 370.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN VĂN DIỄN** Giới tính: **Nam**  
 Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**  
 Sinh ngày: **29/01/1991** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**  
 Số giấy chứng thực cá nhân: **031738117**  
 Ngày cấp: **20/05/2008** Nơi cấp: **Công an TP Hải Phòng**  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn 10, Xã Tam Cường, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**  
 Chỗ ở hiện tại: **Số 11, ngõ 133 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội